

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 07/4/2022.

V/v “Xin ly hôn và giải quyết nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Thái.

2/ Ông Trần Văn Phước.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Anh **Lê Lữ L**, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Lê Lữ L bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, anh chị không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh L có mối quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hơn 8 tháng nay anh L bỏ về cha mẹ ruột sinh sống nên anh chị cũng bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Lữ L.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị H xác định chị và anh L có 04 người con chung tên Lê Đức Huy, sinh ngày 20/4/2008; Lê Tường Vy, sinh ngày 13/9/2009; Lê Trung Tính, sinh ngày 16/6/2016 và Lê Thiên Bảo, sinh ngày 07/8/2018. Ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị H khai rằng chị và anh L tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị H thống nhất chị và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Lữ L trình bày:*

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân. Quá trình chung sống với nhau anh và chị H có phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Anh L xác định anh và chị H có 04 người con chung như chị H trình bày là đúng. Anh đồng ý giao các con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh và chị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh L trình bày anh và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Trần Thị H thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn anh Lê Lữ L có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2002 chị Trần Thị H và anh Lê Lữ L về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, anh chị không có tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Xét về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng sau thời gian chung sống với nhau chị H và anh L phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là về tình cảm vợ chồng mà theo chị H trình bày là do anh có mối quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài nên dẫn đến việc chị và anh L thường xuyên cự cãi nhau, lần cãi nhau gần nhất vào khoảng năm 2021 anh L bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh L không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa; Khi chị H yêu cầu ly hôn với anh L thì được anh L đồng ý, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh L.

Tuy nhiên, do chị H và anh L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Lê Lữ L không phải là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* Có 04 người con chung tên Lê Đức Huy, sinh ngày 20/4/2008; Lê Tường Vy, sinh ngày 13/9/2009; Lê Trung Tính, sinh ngày 16/6/2016 và Lê Thiên Bảo, sinh ngày 07/8/2018. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 04 người con chung.

Xét yêu cầu của chị H; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 04 người con chung của chị H là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; cả 04 người con chung đều được chị H trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị và anh L sống ly thân với nhau cho đến nay; đồng thời theo yêu cầu nuôi con của chị H cũng được anh L đồng ý. Hơn nữa, tại bản tự khai đề ngày 23/03/2022 của cháu Lê Đức Huy và Lê Tường Vy cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ (tức chị H) sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao 04 người con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về nợ chung*: Chị H và anh L đều khai rằng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15 khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Lê Lữ L là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Lê Đức Huy, sinh ngày 20/4/2008; Lê Tường Vy, sinh ngày 13/9/2009; Lê

Trung Tính, sinh ngày 16/6/2016 và Lê Thiên Bảo, sinh ngày 07/8/2018 cho chị H được nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trong thời gian chị H nuôi con chung; anh L có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0001606, ngày 14/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm. Anh Lê Lữ L không phải nộp án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Lữ L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TÁ tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Diệp

